

Thứ ba, ngày 29 tháng 9 năm 2020

Vietnam Daily Review

Áp lực bán tăng mạnh vào phiên chiều

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 30/9/2020		•	
Tuần 28/9-2/10/2020		•	
Tháng 9/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex tiếp tục duy trì đà tăng của những phiên trước khi sắc xanh lan tỏa thị trường trong suốt phiên sáng. Tuy nhiên, áp lực bán tăng khá mạnh trong phiên chiều đã đẩy chỉ số dờn về dưới ngưỡng 905 điểm. Dòng tiền đầu tư sụt giảm khi chỉ có 4/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường tăng cao, đồng thời độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực cho thấy các nhà giao dịch đang có tâm lý chốt lời trong thời điểm hiện tại. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex vẫn có thể duy trì trên mức 900 điểm trong các phiên tới và sẽ có sự giằng co trong khu vực 900-910 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 840 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 29/9/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_-0.2%

Phân tích kỹ thuật: VNM_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-8.52 điểm**, đóng cửa **903.98**. HNX-Index **-1.38 điểm**, đóng cửa **131.74**.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+2.02); LGC (+0.18); DCM (+0.12); MWG (+0.07); TCH (+0.06)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.47); VIC (-1.25); VHM (-1.21); BID (-0.74); CTG (-0.58)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **7,755 tỷ đồng, +23.53%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 13.51 điểm. Thị trường có **128** mã tăng, 60 mã tham chiếu và **281** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-594.11 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **VNM (-176.2 tỷ), VHM (-79.3 tỷ) và VIC (-46.5 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-45.09 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **912.50**
Giá trị: 7755.03 tỷ **4.23 (0.47%)**
Khối ngoại (ròng): -594.11 tỷ

HNX-INDEX **133.12**
Giá trị: 737.04 tỷ **1.6 (1.22%)**
Khối ngoại (ròng): -45.09 tỷ

UPCOM-INDEX **61.78**
Giá trị: 691.81 tỷ **0.49 (0.8%)**
Khối ngoại(ròng): 21.82 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	40.0	-0.70%
Giá vàng	1,852	-0.50%
Tỷ giá USD/VND	23,188	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,980	-0.35%
Tỷ giá JPY/VND	22,009	0.21%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	39.22%
LS TPCP 5 năm	1.4%	-1.75%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUESSVFL	15.3	VNM	-176.2
DCM	14.6	VHM	-79.3
ACV	8.7	VIC	-46.5
VTP	5.9	DXP	-36.5
PLX	4.7	GAS	-33.9
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt -0.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	6/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.2%	0.2%	7.4%	18.6%	18.6%	21.2%	22.0%
Corona Avengers	-0.6%	0.5%	6.7%	15.8%	15.8%	11.6%	35.9%
Đầu tư công	-0.6%	0.8%	8.0%	24.4%	24.4%	17.3%	27.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.6%	1.1%	7.8%	17.4%	17.4%	10.2%	30.9%
Nước & Năng lượng	-0.8%	-0.9%	3.2%	16.1%	16.1%	4.4%	26.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.9%	0.3%	4.6%	15.3%	15.3%	-7.5%	33.2%
Cổ phiếu ngành Dược	-1.0%	-1.3%	1.3%	14.1%	14.1%	4.5%	22.2%
Ngân Hàng	-1.0%	1.0%	6.5%	20.8%	20.8%	10.3%	34.4%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.0%	0.2%	5.0%	17.3%	17.3%	-0.8%	30.8%
Stay-at-home	-1.1%	0.6%	5.5%	19.5%	19.5%	25.0%	34.6%
VN Diamond	-1.1%	0.5%	4.7%	14.8%	14.8%	-5.6%	32.0%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-1.1%	-1.2%	0.0%	14.2%	14.2%	1.0%	25.6%
Vật liệu Xây dựng	-1.1%	0.2%	5.4%	18.1%	18.1%	15.4%	29.2%
Chiến tranh thương mại	-1.2%	-0.4%	4.7%	20.1%	20.1%	3.9%	31.4%
Dầu khí	-1.2%	0.4%	4.5%	13.0%	13.0%	-13.6%	40.2%
VN FinSelect	-1.4%	0.3%	5.7%	12.7%	12.7%	0.5%	30.7%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.5%	0.4%	5.9%	13.3%	13.3%	0.8%	32.4%
Bất động sản Khu công nghiệp	-1.5%	-1.4%	2.7%	18.4%	18.4%	19.3%	30.4%
Xây dựng	-1.9%	-1.5%	5.6%	20.6%	20.6%	11.4%	31.2%
Lãi suất giảm	-2.0%	-0.1%	8.5%	21.5%	21.5%	17.8%	33.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-2.4%	-1.4%	3.5%	14.3%	14.3%	1.5%	28.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	-2.4%	-1.3%	3.0%	13.1%	13.1%	-0.8%	29.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-3.7%	-3.5%	-0.6%	5.3%	5.3%	-8.9%	26.2%
Hàng tiêu dùng	-3.8%	-2.5%	2.2%	13.5%	13.5%	4.2%	30.5%
FTSE Việt Nam	-5.0%	-4.8%	-1.7%	3.4%	3.4%	-7.7%	26.6%

Mục tiêu	4/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S21	-0.4%	0.5%	7.8%	19.8%	19.8%	3.5%	28.7%
S32	-0.7%	0.8%	6.2%	15.9%	15.9%	-6.1%	34.8%
M22	-0.8%	0.2%	4.1%	14.0%	14.0%	8.0%	26.9%
L32	-0.8%	0.6%	5.8%	14.5%	14.5%	-7.6%	31.8%
M12	-1.2%	-0.7%	3.2%	12.0%	12.0%	-0.2%	26.5%
L22	-1.6%	-0.8%	5.6%	16.9%	16.9%	-0.8%	28.9%
L11	-2.0%	-1.2%	2.8%	12.9%	12.9%	0.2%	25.6%
S11	-2.2%	-0.9%	4.0%	14.9%	14.9%	14.1%	26.9%
M31	-2.6%	-1.3%	2.2%	14.9%	14.9%	-0.3%	31.8%

Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	-0.8%	0.5%	5.1%	14.7%	14.7%	-0.5%	29.5%
MID1	-2.9%	-2.0%	3.5%	16.9%	16.9%	12.8%	26.8%
LOW1	-3.2%	-2.5%	1.5%	7.9%	7.9%	-3.2%	26.9%

INDEX							
VNINDEX	-0.9%	-0.5%	2.5%	9.6%	9.6%	-5.9%	25.3%
VN30INDEX	-0.8%	0.2%	3.9%	11.1%	11.1%	-2.6%	26.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	6	19	15	10	20	5
Mục tiêu	9	4	5	4	5	8	1
Rủi ro	3	1	2	1	2	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
Vũ Quốc Khánh khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 29/09

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.30	-0.74%	1.30%	-6.90%	-20.40%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	42.18	-0.59%	1.10%	-7.90%	-24.44%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	123.68	-0.79%	6.20%	1.50%	-15.71%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1880.92	-0.03%	-1.00%	-4.30%	26.32%		PNJ
Bạc	USD/ounce	23.65	-0.13%	-3.10%	-14.00%	34.80%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	991.75	-0.45%	-2.70%	5.30%	3.93%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	548.25	-0.36%	-1.70%	-0.50%	3.49%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.88	0.16%	2.50%	8.80%	9.45%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	177.16	-1.47%	-0.60%	3.50%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.10	0.38%	-2.30%	-2.20%	-3.11%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	108.80	-0.68%	-1.70%	-11.10%	-4.48%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6572.00	0.41%	-1.80%	-0.30%	14.79%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	516.01	-0.46%	-1.10%	-4.70%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1775.00	1.52%	-0.30%	-0.30%	3.11%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	112.95	-0.02%	-0.70%	-5.70%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	60.65	0.41%	1.50%	14.80%	-20.87%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 51 US cent hay 1.22% lên 42.43 USD/thùng. Dầu thô WTI tăng 35 US cent hay 0.87% lên 40.60 USD/thùng. Giá dầu tăng theo chứng khoán Phố Wall khi các cuộc đàm phán tiếp tục về gói cứu trợ Covid-19 sau khi Chủ tịch Hạ viện Mỹ Nancy Pelosi cho biết có thể đạt được một thỏa thuận với Nhà Trắng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 1% lên 1,878.33 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York tăng 0.9% lên 1,882.3 USD/ounce. Tổng thống Mỹ Donald Trump và phó Tổng thống Joe Biden sẽ đối đầu trong cuộc tranh luận tổng thống đầu tiên của họ vào ngày 29/9. Chỉ số USD đã giảm 0.4% từ mức đỉnh 2 tháng đã đạt được trong phiên trước so với rổ tiền tệ.

Giá sắt thép

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên tăng 0.9% lên 770 CNY (112.86 USD)/tấn. Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Singapore tăng 0.8% lên 114.1 USD/tấn. Trong một báo cáo hàng quý, Bộ Công nghiệp Australia dự báo giá quanh mức 100 USD/tấn trong quý 4 trước khi giảm xuống khoảng 80 USD vào cuối năm 2021 và 75 USD/tấn vào cuối năm 2022.
- Thép thanh dùng trong xây dựng trên sàn giao dịch Thượng Hải tăng 0.1%, trong khi thép cuộn cán nóng ổn định.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su giao tháng 3/2021 trên sàn giao dịch Osaka đóng cửa tăng 2.2 JPY, hay 1.2% lên 189 JPY/kg.
- Lợi nhuận của các công ty công nghiệp tại Trung Quốc, nước tiêu thụ cao su lớn nhất và là nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới, tăng tháng thứ 4 liên tiếp trong tháng 8, trong bối cảnh giá hàng hóa và sản xuất thiết bị phục hồi.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 giảm 4.1 US cent hay 3.6% xuống 1.0955 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11 giảm 31 USD hay 2.3% xuống 1,327 USD/tấn. Dự trữ của các kho Brazil ở mức cao sau một vụ thu hoạch lớn trong năm nay cũng là một yếu tố giảm giá
- Đường thô kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn ICE giảm 0.41 US cent hay 3.2% xuống 12.59 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn London giảm 9.5 USD hay 2.5% xuống 367 USD/tấn. Các đại lý cho biết thị trường xấu đi do đồng nội tệ của Brazil tăng cường mất giá so với USD, thúc đẩy các ngân hàng trung ương địa phương bán USD trên thị trường giao ngay lần đầu tiên trong hơn một tháng

	29/9	% 29/9	28/9	% 28/9	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	912.50	0.47%	908.27	-0.03%	0.50%	4.47%
S&P 500			3298.46	1.60%	-0.63%	-4.22%
HĐTL S&P500	3317.50	0.92%	3287.25	1.52%	1.30%	-4.39%
Shang- hai	3217.54	-0.06%	3219.42	-0.12%	-3.00%	-3.96%
Euro Stoxx	3195.46	1.86%	3137.06	-0.71%	1.09%	-4.07%

Phân tích kỹ thuật

VNM_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: VNM đang ở trong trạng thái tiếp tục tăng giá sau khi đã có nhịp điều chỉnh vào nửa cuối tháng 7 do ảnh hưởng của làn sóng Covid thứ hai. Hôm nay, thanh khoản tăng cao đã đẩy giá cổ phiếu tăng khá ấn tượng 3.7%. Các chỉ báo xu hướng hiện đều ủng hộ cho trạng thái tích cực của VNM. Tuy nhiên, do chỉ báo RSI đã đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể sẽ xuất hiện sự điều chỉnh trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của VNM nằm tại xung quanh giá 107. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 120.5, cắt lỗ nếu mốc 98.5 bị xuyên thủng.



Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC điều chỉnh dự báo KQKD 2020 của VNM với DTT và LNST đạt lần lượt là 60,386 tỷ đồng (+7.2% YoY) và 11,300 tỷ đồng (+6.8% YoY), tương đương EPS fw là 6,043đ , PE fw là 19.3x , PB fw là 5.9x. Thay đổi dự phóng LNST tăng +6.8% so với báo cáo trước (+4.6% YoY) do giả định về tăng biên gộp, giảm chi phí SGA/DTT và tăng doanh thu tài chính.

Cập nhật KQKD

Q2/2020, DTT đã đạt 15,495 tỷ đồng (+6.1% yoy), động lực tăng trưởng chính nhờ vào tăng trưởng của thị trường nội địa đạt 7.6% YoY (1) Duy trì tăng trưởng thị trường nội địa: DTT 2Q20 đạt 13,364 tỷ đồng (+7.6% YoY) chiếm tỷ trọng 86% tổng DT, động lực tăng trưởng chính nhờ vào hợp nhất với GTN: DT Q2 đạt 734.9 tỷ đồng (-9.7% YoY) chiếm khoảng 5.5% tỉ trọng DT nội địa và DT công ty mẹ đạt 12,251 tỷ đồng (+3.68% YoY).

(2) Mảng xuất khẩu tăng tốt nhờ TT Trung Đông: DTT đạt 1,370 tỷ đồng (+7.14% YoY) chiếm tỷ trọng 8.84% tổng DT chủ yếu nhờ vào thị trường Trung Đông phục hồi trở lại với giá trị hợp đồng xuất khẩu 20 triệu USD.

(3) Các công ty con ở nước ngoài bị ảnh hưởng bởi COVID-19: DTT đạt 760.8 tỷ đồng (-15% YoY) chiếm tỷ trọng 4.91% chủ yếu do Driftwood bị ảnh hưởng DT khi trường học đóng cửa trong COVID-19.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **VNM 2020Q3**

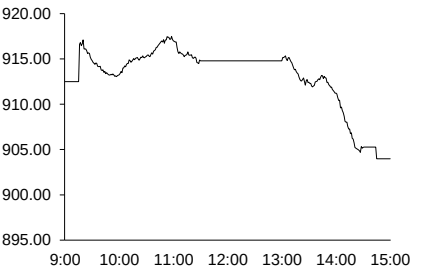
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	1.74%
Thực phẩm và đồ uống	0.99%
Bán lẻ	0.49%
Hóa chất	0.14%
Viễn thông	0.00%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.06%
Xây dựng và Vật liệu	-0.44%
Dịch vụ tài chính	-0.45%
Y tế	-0.49%
Du lịch và Giải trí	-0.59%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.62%
Bất động sản	-0.82%
Tài nguyên Cơ bản	-0.91%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.02%
Dầu khí	-1.32%
Công nghệ Thông tin	-1.40%
Truyền thông	-1.60%
Ngân hàng	-1.66%
Bảo hiểm	-2.28%

Hình 1

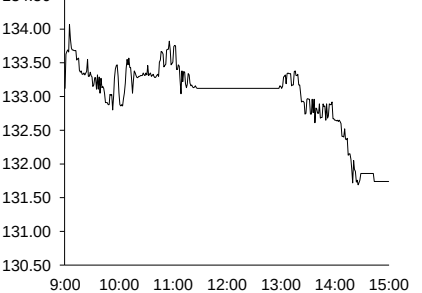
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
9/28/2020	CEO	7.4	8.5	7	7.3	1	-1.35%	Có thể tiếp tục mua
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	11.35	4	0.00%	Có thể tiếp tục mua
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	78.9	5	-2.71%	Có thể tiếp tục mua
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	84.6	6	-0.94%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	11.5	7	0.44%	Có thể tiếp tục mua
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	13.95	8	0.72%	Có thể tiếp tục mua
9/18/2020	LAS	6.1	7	5.5	6.2	11	1.64%	Có thể tiếp tục mua
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	52	12	-2.44%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/16/2020	PVS	12.9	14.5	12	13.5	13	4.65%	Có thể tiếp tục mua
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	28.3	15	1.25%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	24.25	18	0.62%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.5	19	-1.26%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/9/2020	CVT	18.65	20.8	17.5	19.2	20	2.95%	Có thể tiếp tục mua
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	18.6	21	-1.59%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/4/2020	VCS	67	76	60	66.6	25	-0.60%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	12.8	26	1.59%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/31/2020	VJC	103	112	100	104	29	0.97%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	23.75	32	0.64%	Có thể tiếp tục mua
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	26.6	33	4.72%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/17/2020	VTP	98.4	118.27	93.43	105.3	43	7.01%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/11/2020	ACB	19.55	23.09	18.86	22.4	49	14.58%	Cần nhắc không mua thêm (**)
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.1	50	-2.93%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/6/2020	LCG	7.39	9.99	6.61	8.6	54	16.37%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2020	CTD	67.45	81.79	63.51	67	57	-0.67%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	13.15	90	2.73%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	35	97	14.04%	Có thể tiếp tục mua

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

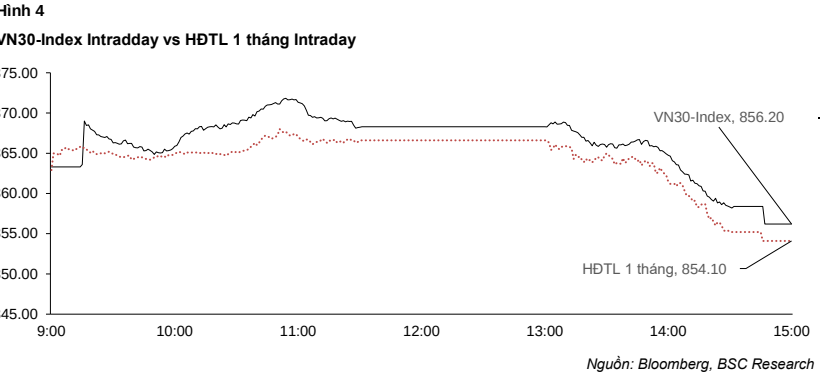
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/15/2020	STB	11.6	13	11	TP	8	12.07%
9/7/2020	TIG	6.7	7.4	6.3	TP	14	10.45%
9/1/2020	VGTT	8.1	9	7.5	TP	7	11.11%
8/26/2020	DRC	17.15	18.1	16	TP	14	5.54%
8/25/2020	MWG	87.6	103	84	TP	29	17.58%
8/24/2020	BVH	46.9	50	44.5	TP	7	6.61%
8/21/2020	GVR	11.85	13	11.4	TP	31	9.70%

Chú thích:
 Thống kê 7 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	18	9	4.19%	-1.61%	2.26%	31
Cổ phiếu đã chốt	32	21	11.27%	-9.52%	3.03%	23

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2010	862.90	0.94%	-0.41	-8.4%	92,142	10/15/2020	19
VN30F2011	862.90	1.22%	-0.41	-20.1%	230	11/19/2020	54
VN30F2012	857.90	0.94%	-5.41	-71.2%	226	12/17/2020	82
VN30F2103	854.20	0.61%	-9.11	-70.6%	84	3/18/2021	173

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -7.11 điểm, xuống mức 856.20 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như STB, VIC, TCB, VCB, FPT tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 tăng tích cực trong phiên sáng lên quanh 870 điểm, trước khi giảm mạnh trong phiên chiều xuống gần 855 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy quanh 855-865 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2010 và VN30F2011 đang giảm, trong khi VN30F2012 và VN30F2103 đang tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2010 và VN30F2011 đang giảm, trong khi VN30F2012 và VN30F2103 đang tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm kéo dài. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 840 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2007	10/29/2020	31	2:1	260,620	46.45%	1,700	1,080	21.35%	1,004	1.08	25,900	22,500	23,800
CMBB2003	11/9/2020	42	1:1	163,460	36.59%	2,000	2,480	15.35%	2,043	1.21	20,000	18,000	20,000
CHPG2008	11/30/2020	63	1:1	298,160	38.16%	4,100	5,110	14.57%	1,078	4.74	32,100	28,000	26,400
CSTB2004	11/30/2020	63	1:1	890,670	45.24%	1,400	3,070	13.70%	2,554	1.20	12,400	11,000	13,800
CVPB2006	11/30/2020	63	1:1	146,150	46.45%	3,400	1,660	12.93%	1,785	0.93	27,400	24,000	23,800
CHPG2002	12/16/2020	79	2:1	225,730	38.16%	1,700	2,160	12.50%	365	5.91	33,399	29,999	26,400
CHPG2012	1/18/2021	112	1:1	22,050	38.16%	6,100	7,060	12.06%	2,315	3.05	32,600	26,500	26,400
CSTB2009	12/18/2020	81	1:1	367,050	45.24%	1,650	3,450	11.29%	2,728	1.26	12,550	10,900	13,800
CHPG2016	1/14/2021	108	2:1	292,790	38.16%	2,200	3,190	10.76%	918	3.47	31,900	27,500	26,400
CHPG2018	5/14/2021	228	4:1	512,630	38.16%	1,200	870	10.13%	528	1.65	34,799	29,999	26,400
CMBB2006	10/29/2020	31	2:1	128,570	36.59%	1,100	1,820	8.98%	1,624	1.12	18,700	16,500	20,000
CMWG2011	12/18/2020	81	5:1	116,980	42.06%	2,980	4,120	8.42%	3,829	1.08	101,900	87,000	103,000
CHPG2019	12/18/2020	81	2:1	283,850	38.16%	1,630	1,890	8.00%	1,653	1.14	27,360	24,100	26,400
CMWG2012	2/8/2021	133	5:1	75,150	42.06%	4,390	5,350	7.43%	5,293	1.01	101,950	80,000	103,000
CVPB2009	11/20/2020	53	2:1	167,240	46.45%	1,630	2,170	7.43%	2,014	1.08	23,460	20,200	23,800
CVHM2005	1/14/2021	108	10:1	122,600	38.35%	1,400	840	6.09%	512	1.64	93,000	79,000	76,600
CHPG2017	2/18/2021	143	4:1	860,210	38.16%	1,000	650	4.84%	427	1.52	32,888	28,888	26,400
CSBT2007	4/27/2021	211	2:1	271,350	40.74%	1,700	1,150	2.68%	728	1.58	19,399	15,999	15,200
CVNM2005	10/29/2020	31	10:1	417,760	33.81%	1,500	2,780	1.46%	821	3.39	118,000	103,000	128,300
CVHM2006	4/27/2021	211	20:1	660,020	38.35%	1,000	560	-5.08%	297	1.89	104,888	84,888	76,600
Tổng				5,623,020	40.38%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 29/9/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

- CVNM2008 và CVNM2002 tăng mạnh lần lượt là 33.50% và 28.78%. Trái lại, CVHM2003 và CSTB2004 giảm mạnh lần lượt là -15.69% và -13.68%. Giá trị giao dịch tăng 36.65%. CHPG2016 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.80% thị trường.

- CVPB2006, CREE2004, CVRE2005, CMWG2009, và CMBB2005 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2009, và CDPM2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CHPG2005, và CMWG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
HPG	26.40	2.52	1.67
TCB	22.85	2.01	1.33
STB	13.80	3.76	1.11
VPB	23.80	2.15	1.11
MWG	103.00	2.49	0.95

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VRE	27.8	-2.11	-0.33
VHM	76.6	-0.65	-0.25
GAS	72.2	-1.23	-0.11
NVL	63.4	-0.16	-0.04
PLX	51.3	-0.58	-0.04

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	103.0	2.5%	1.2	2,027	2.8	8,348	12.3	3.3	49.0%	30.3%	
PNJ	Bán lẻ	62.0	0.0%	1.3	607	1.7	4,629	13.4	3.0	49.0%	23.6%	
BVH	Bảo hiểm	49.7	0.4%	1.4	1,604	1.2	1,625	30.6	1.9	28.2%	6.7%	
PVI	Bảo hiểm	30.0	-0.3%	0.3	292	0.0	2,651	11.3	1.0	54.4%	8.8%	
VIC	Bất động sản	92.8	0.0%	0.8	13,647	0.8	2,336	39.7	3.7	13.8%	9.5%	
VRE	Bất động sản	27.8	-2.1%	1.1	2,747	7.2	1,057	26.3	2.3	30.9%	8.9%	
VHM	Bất động sản	76.6	-0.6%	1.3	10,956	6.7	6,686	11.5	3.7	22.1%	36.5%	
DXG	Bất động sản	10.4	1.5%	1.4	234	1.5	658	15.8	0.8	34.9%	2.9%	
SSI	Chứng khoán	16.9	2.7%	1.3	442	3.8	1,718	9.8	1.0	49.7%	10.7%	
VCI	Chứng khoán	28.8	1.8%	1.0	207	0.9	4,110	7.0	1.3	28.2%	18.7%	
HCM	Chứng khoán	20.7	2.5%	1.7	275	2.6	1,608	12.9	1.5	49.2%	11.5%	
FPT	Công nghệ	51.1	0.6%	0.8	1,742	2.9	4,280	11.9	2.7	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	49.5	-0.8%	0.4	589	0.0	4,812	10.3	2.6	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	72.2	-1.2%	1.4	6,008	1.3	5,169	14.0	2.6	3.2%	20.5%	
PLX	Dầu khí	51.3	-0.6%	1.5	2,718	0.4	867	59.2	3.1	16.1%	5.1%	
PVS	Dầu khí	13.9	2.2%	1.5	289	4.7	1,339	10.4	0.5	9.9%	5.2%	
BSR	Dầu khí	7.3	7.4%	0.8	984	2.0	898	8.1	0.7	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	106.0	0.9%	0.5	603	0.0	5,044	21.0	4.3	54.8%	21.2%	
DPM	Hóa chất	17.6	5.1%	0.4	299	4.8	1,700	10.4	0.8	11.9%	8.9%	
DCM	Hóa chất	11.0	6.8%	0.5	252	2.9	709	15.4	0.9	1.9%	5.8%	
VCB	Ngân hàng	86.0	0.0%	1.1	13,868	4.7	4,915	17.5	3.6	23.5%	22.0%	
BID	Ngân hàng	41.3	1.2%	1.3	7,222	3.5	2,132	19.4	2.2	17.5%	12.3%	
CTG	Ngân hàng	27.2	3.6%	1.2	4,395	14.1	2,995	9.1	1.3	30.0%	14.6%	
VPB	Ngân hàng	23.8	2.1%	1.2	2,523	8.7	4,126	5.8	1.2	23.4%	23.5%	
MBB	Ngân hàng	20.0	2.0%	1.0	2,097	7.5	3,497	5.7	1.1	23.0%	20.7%	
ACB	Ngân hàng	22.6	1.8%	1.0	2,124	8.0	2,884	7.8	1.6	39.0%	22.6%	
BMP	Nhựa	60.5	0.5%	0.9	215	0.2	5,781	10.5	2.0	82.1%	19.5%	
NTP	Nhựa	33.7	1.5%	0.4	173	0.0	3,348	10.1	1.6	18.9%	16.0%	
MSR	Tài nguyên	16.2	0.0%	0.3	697	0.0	356	45.5	1.3	1.9%	2.9%	
HPG	Thép	26.4	2.5%	1.2	3,803	19.9	2,632	10.0	1.7	34.3%	18.1%	
HSG	Thép	16.1	5.6%	1.5	311	11.5	1,767	9.1	1.2	10.0%	13.6%	
VNM	Tiêu dùng	128.3	0.5%	0.8	9,714	12.1	5,538	23.2	7.4	58.4%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	188.0	0.5%	0.8	5,242	0.7	6,328	29.7	6.5	63.2%	23.7%	
MSN	Tiêu dùng	54.7	0.0%	1.0	2,794	1.5	3,255	16.8	2.8	38.1%	13.9%	
SBT	Tiêu dùng	15.2	0.0%	0.8	388	2.6	561	27.1	1.2	5.5%	5.1%	
ACV	Vận tải	64.9	2.5%	0.8	6,143	1.1	3,450	18.8	3.8	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	105.5	-0.1%	1.1	2,403	1.5	3,480	30.3	3.7	17.7%	12.3%	
HVN	Vận tải	26.7	0.0%	1.7	1,646	0.5	(3,871)	N/A	N/A	9.2%	-38.6%	
GMD	Vận tải	23.8	0.0%	0.9	307	0.5	1,381	17.2	1.2	49.0%	6.8%	
PVT	Vận tải	13.7	3.8%	1.2	167	1.8	2,076	6.6	0.8	20.1%	13.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	67.7	-0.7%	1.0	457	0.6	8,104	8.4	3.2	3.0%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	23.5	0.0%	0.8	458	0.3	1,363	17.2	1.6	7.7%	9.3%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.7	-0.3%	1.0	260	0.5	1,937	8.1	1.1	6.0%	13.5%	
CTD	Xây dựng	69.2	-2.9%	1.1	230	4.7	8,453	8.2	0.6	46.8%	7.9%	
CII	Xây dựng	18.1	0.3%	0.3	187	1.3	1,562	11.6	0.8	35.3%	7.6%	
REE	Điện	40.3	-0.2%	-1.4	543	0.5	4,780	8.4	1.2	49.0%	14.8%	
PC1	Điện	21.6	1.4%	-0.4	150	0.2	2,176	9.9	0.9	14.7%	9.9%	
POW	Điện	10.2	0.0%	0.6	1,033	2.2	933	10.9	0.8	10.7%	8.1%	
NT2	Điện	23.5	-0.4%	0.6	294	0.2	2,685	8.8	1.5	19.0%	18.0%	
KBC	Khu công nghiệp	14.3	0.7%	0.8	292	1.3	1,156	12.4	0.7	19.0%	5.8%	
BCM	Khu công nghiệp	40.8	0%	1.0	1,836	0.2	#N/A	N/A	N/A	2.9	1.7%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	27.15	3.63	0.99	12.01MLN
HPG	26.40	2.52	0.60	17.57MLN
BID	41.30	1.23	0.56	1.95MLN
TCB	22.85	2.01	0.44	2.81MLN
VPB	23.80	2.15	0.35	8.49MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-0.48	417070	1.11MLN
VHM	0.00	-0.47	2.02MLN	607060
VRE	0.00	-0.39	5.93MLN	373600
PLX	0.00	-0.11	177110.00	192700
GEX	0.00	-0.06	6.31MLN	611640

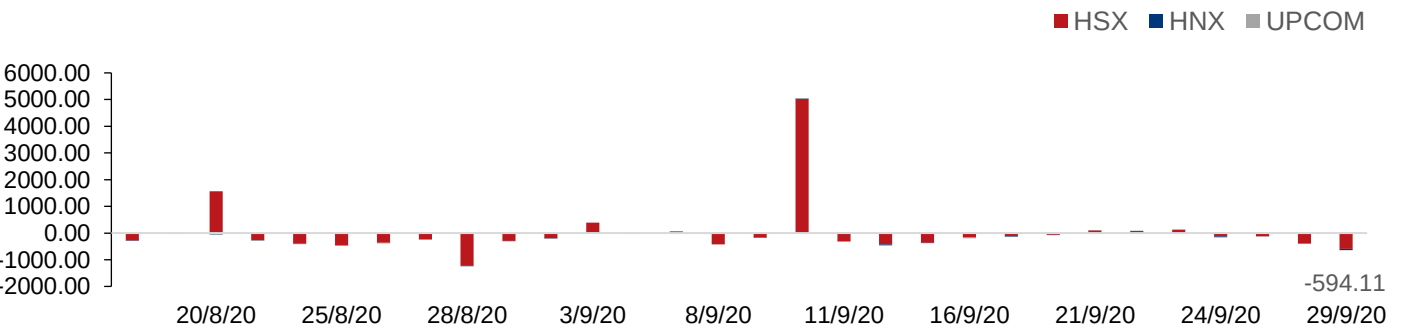
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LSS	6.63	6.94	0.01	218190.00
ASG	41.15	6.88	0.05	91910
FLC	3.42	6.88	0.04	28.62MLN
DCM	10.95	6.83	0.10	6.23MLN
KPF	14.10	6.82	0.01	2010

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAT	37.95	-6.99	-0.04	3650
HRC	42.70	-6.97	-0.03	10
MCG	1.75	-6.91	0.00	2530.00
VAF	10.20	-6.85	-0.01	20
EMC	16.50	-6.78	-0.01	50

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	103.0	8,348	12.3	3.3	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.0	885	9.0	0.6	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	43.8	5,512	7.9	1.5	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.2	1,948	12.4	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	26.4	2,632	10.0	1.7	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	25.6	3,024	8.5	1.3	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.8	4,126	5.8	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	46.9	9,998	4.7	1.3	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	54.7	3,255	16.8	2.8	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	43.0	4,670	9.2	1.7	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	16.1	1,767	9.1	1.2	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.9	5,479	8.0	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	26.4	2,103	12.6	2.2	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	26.4	2,632	10.0	1.7	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	22.9	3,103	7.4	1.2	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	62.0	4,629	13.4	3.0	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	102.5	4,105	25.0	8.8	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	10.4	658	15.8	0.8	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	23.2	1,721	13.5	1.3	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	24.2	7,583	3.2	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.3	5,224	5.2	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	55.7	4,739	11.8	2.3	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	86.0	4,915	17.5	3.6	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	22.6	2,884	7.8	1.6	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	43.8	5,512	7.9	1.5	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	58.0	5,872	9.9	2.6	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	51.1	4,280	11.9	2.7	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.8	1,381	17.2	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.3	1,156	12.4	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	188.0	6,328	29.7	6.5	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.2	1,948	12.4	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	128.3	5,538	23.2	7.4	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.3	1,407	8.7	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	103.0	8,348	12.3	3.3	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	19.4	2,088	9.3	1.4	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	106.0	5,044	21.0	4.3	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	13.7	2,076	6.6	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	62.0	4,629	13.4	3.0	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	33.7	4,313	7.8	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	204.0	14,782	13.8	5.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
2	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
3	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
4	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
7	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
11	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
12	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
14	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
15	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
16	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
19	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
20	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
21	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
22	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
23	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
26	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
27	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
28	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
29	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
32	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
36	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
38	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
40	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
SAB 2020Q3	17/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 193300; Giá tại Publish 188200 Định giá: BSC khuyến nghị THEO DÕI SAB với giá mục tiêu là 193,300 đồng/cp, upside 2.7% so với giá ngày 15/9/2020 dựa trên 2 phương pháp DCF và PE với mức PE mục tiêu là 29x (tăng so với PE mục tiêu là 24x). Chúng tôi nâng định giá PE với kỳ vọng Sabeco phục hồi
PNJ 2020Q3	7/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 65000; Giá tại Publish 60000 Dự báo KQKD: BSC dự báo DTT và LNST của PNJ FY2020E lần lượt là 15,874 tỷ đồng (-6.6% Y/Y) và 881 tỷ đồng (-25.9% Y/Y) tương đương EPS fw 2020E là 3,877 VND/CP (đã trừ QKTPL), PE fw = 15.6x và PB fw = 2.7x. LNST giảm -25.9% YoY so với báo cáo trước là -11.8% YoY do thay đổi giá định
VNM 2020Q3	27/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 122100; Giá tại Publish 118000 Dự báo KQKD: BSC điều chỉnh dự báo KQKD 2020 của VNM với DTT và LNST đạt lần lượt là 60,386 tỷ đồng (+7.2% YoY) và 11,300 tỷ đồng (+6.8% YoY), tương đương EPS fw là 6,043đ , PE fw là 19.3x , PB fw là 5.9x. Thay đổi dự phóng LNST tăng +6.8% so với báo cáo trước (+4.6% YoY) do giả định về tăng biên gộp, giảm chi phí SGA/DTT và tăng doanh thu tài chính.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639